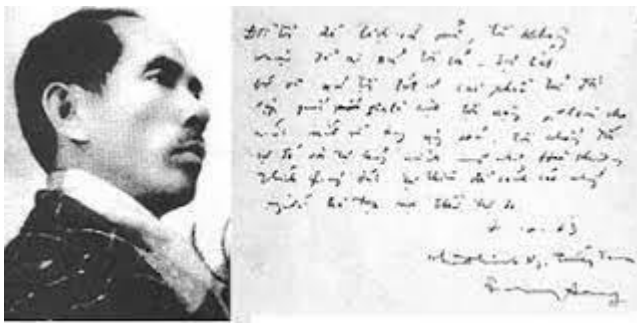


# Niềm Vui Chết Yếu

Nguyễn Tường Thiết

Tôi nhìn đồng hồ: 5 giờ kém 15. Chiếc xe sao chạy chậm quá vậy? Người tôi nửa như xôn xao bồn chồn nửa như bị du sâu vào trong một giấc mơ. Tiếng động, tiếng sinh hoạt của thành phố nghe xa vút hẳn đi. Những âm thanh lao xao mơ hồ như thuộc về một thế giới khác. Đường phố quen thuộc của Sài Gòn, bỗng nhiên mặc một vẻ xa lạ, thỉnh thoảng một tiếng còi xe giạt lại, tôi nghe ngắn và sắc hơn. Chiếc xe chạy qua rạp Olympic, tôi quay người ngó lơ đàng vào mấy tấm quảng cáo ở cửa rạp: “*Cậu coi Jugement à Nuremberg chưa?*” “*Rồi!*” “*Đấy, cậu chẳng cần nói gì cả, cứ im lặng như ông Bộ trưởng Đức mà hay. Cũng chẳng cần viện cớ bệnh không nói được ở tòa. Để tới con lại luật sư Đinh Trịnh Chính lấy lại mấy giấy bác sĩ. Con nghĩ mình chẳng cần phải dùng cách ấy. Mình vẫn khỏe mạnh như thường mà chả thèm nói gì cả, cũng chẳng cần trả lời những câu hỏi của tòa, cứ im lặng như hén thế mà hay.*”

Chiếc taxi đến một khúc đường sửa bị xóc tôi thấy nặng ở đùi: đầu cha tôi còn gối trên đùi tôi, miệng ông hé mở, đầu ngã về sau, một ít nước bọt ở mép, cánh tay phải mềm xuôi buông lỏng xuống sàn xe. Cách đây một giờ cha tôi đã uống thuốc độc tự tử. Cha tôi đã đồng ý với tôi ở một điểm: “*Im như hén thế mà hay!*”. Nhưng quả thật tôi không ngờ ông đã đi sâu đến như thế, không chỉ im lặng ở toà mà chọn sự im lặng trong cung cách ra đi vĩnh viễn.



Tôi thò tay vào túi áo ngủ của cha tôi lấy ra một tờ giấy mà lúc ở nhà tôi không kịp xem. Trên một vuông giấy, cha tôi để lại 72 chữ cuối cùng của đời ông. Đọc xong, gần như vô ý thức, miệng tôi cứ lặp đi lặp lại mãi câu: “*Đời tôi để lịch sử xử...*”. Anh Triệu ngồi ở băng trước, giục tài xế chạy hết tốc lực để chóng đến bệnh viện, nhưng chiều chủ nhật đông xe, chiếc taxi bị nghẽn đường mấy lần và cuối cùng chỉ tới bệnh viện Grall lúc 5 giờ 10 phút. Chúng tôi xuống xe, trình giấy giới thiệu khẩn cấp của bác sĩ Phiếm cho viên quản lý thường trực của bệnh viện và khiêng cha tôi, lúc ấy

đang thêm thiệp trong chiếc chăn len dày, xuống băng ca. Một lát sau, bác sĩ Gourillon tới, ông bảo mọi người lui ra ngoài rồi tiến vào phòng. Mười phút sau, trước sự chờ đợi nóng lòng của mẹ tôi, anh Triệu và tôi, viên bác sĩ Pháp đẩy cửa bước ra, ông nhìn mẹ tôi trước nhất, khẽ nhún vai, buông xuôi hai cánh tay xuống với một dáng điệu thất vọng rồi nói với bác sĩ Phiếm lúc ấy cũng vừa tới nơi: “*C'est foutu!*”.

Tôi nhìn lên mấy hàng cây của khu công viên bệnh viện. Bầu trời vẫn chưa lên cao sau một buổi chiều mưa rơi tầm tã. Những vũng nước nhỏ yên lặng như những mặt gương, soi ngược mấy dãy nhà thương yên lặng, gác nhà thờ nhỏ im lìm ở phía bên phải, những lá cây ướt nước trở nên sẫm màu hơn và ở dưới những chiếc lá giọt nước mưa vẫn thi nhau giũ xuống, không gây một tiếng động nhỏ.

\*\*\*\*

Buổi sáng ngày hôm đó, cha tôi đi thật sớm. Ông mở ngăn kéo, lấy mấy tập sách, tập bản thảo những tác phẩm cuối cùng, gói vào một tờ nhật báo. Tôi đoán có lẽ cha tôi đi họp ở đâu vì cũng đúng vào chủ nhật tuần trước ông đã tới dự phiên họp đặc biệt của nhóm Bút Việt. Cha tôi có một thói quen dậy rất sớm, khoảng 5 giờ, rồi cùng mẹ tôi ngồi uống trà tàu. Ngay cả trong những buổi sáng giá buốt của Đà Lạt, thói quen đó cũng không bị bỏ. Nhiều lúc hứng chí cha tôi còn đánh thức chúng tôi dậy để cùng hưởng cái thú uống trà buổi sớm ấy. Nhưng thường thì chúng tôi phản đối để ngủ lại. Cũng chính vì thức dậy rất sớm nên đến chơi nhà ai cha tôi cũng đến vào lúc chủ nhân chưa ngủ dậy.

Khoảng gần 10 giờ, cha tôi về. Tôi đang ngồi ở đi-văng mở máy phát thanh nghe mấy bản tân nhạc trình diễn, cha tôi bước lên lầu, dáng hơi mệt mỏi. Ông không thay quần áo ngay như mọi lần về nhà, cứ để nguyên quần áo tây ngồi xuống ghế xích đu, bên cạnh tôi. Trong suốt buổi sáng hôm ấy chỉ có cha tôi và tôi ở trên gác. Ông ngó quanh quất không thấy ai nữa, hỏi tôi: “*Anh Triệu mấy giờ về?*”. Tôi trả lời: “*Mọi tuần đêm thứ Bảy đã ở Sài Gòn, không hiểu sao bây giờ vẫn chưa thấy về nhà?*”. Cha tôi lộ vẻ băn khoăn, chờ đợi, bứt rứt. Điều thuốc lá rung rung ở trên đầu hai ngón tay. Ông mở bia, rót vào một cái cốc nhỏ. Ánh nắng lọt qua khe cửa chiếu vào thành cốc đầy lóe lên những ngôi sao sáng. Tự nhiên tôi nhớ đến một kỷ niệm cách đây bấy

năm, ở Đà Lạt. Năm 1956, một buổi sáng chủ nhật đẹp trời, cha tôi, chị Thoa và tôi tổ chức một buổi picnic ở hồ Than Thở. Chúng tôi tìm đến một chỗ thật vắng vẻ ở cuối hồ. Cha tôi và chị Thoa rải mồi trên bãi cỏ, dưới mấy gốc thông, chỗ lá thông khô rụng phủ dày làm cỏ không mọc được. Tôi nghĩ nơi này không có đường mòn dẫn tới chắc chắn có ma nào đến, nhưng khi xách súng cao su đi bắn chim ở gần đó tôi thấy rải rác dưới đất có những hộp cá, một tờ báo cũ nát, mấy khúc cây cháy dang dở vết tích của một bữa ăn ngoài trời tôi thấy nơi này không còn quạnh hiu nữa. Cha tôi nghĩ ra một cách nướng lạp xưởng rất giản dị. Lấy bông đổ alcohol vào rồi đốt, hơ khúc lạp xưởng cong queo lên trên ngọn lửa màu xanh nhạt. Cha tôi bày biện thức ăn nom rất mỹ thuật, ngon mắt. Đặc biệt ông hay để ý đến màu sắc của đĩa làm nổi những thức ăn bày ở trên, ông thường bảo đĩa màu vàng làm nổi những thức ăn hơn những đĩa màu khác. Trong bữa ăn có món trứng cá caviar cha tôi bảo ăn rất ngon nhưng chúng tôi chịu không ăn được. Dùng bữa trưa xong, cha tôi mở bia rót vào cái cốc nhỏ. Chúng tôi không quen uống bia nhất là lại không có nước đá, nhưng cha tôi không bao giờ cho đá vào bia, bảo uống như vậy nhạt. Tôi còn nhớ nắng hắt vào thành cốc vẫn cái cốc hôm nay ông dùng làm lóa lên những ngôi sao nhỏ. Một giờ sau đó, lúc tôi trở về mang theo một con chim bị bắn chết giờ khoe trước mặt cha tôi thì ông đang ngả người hút thuốc, lưng dựa vào một gốc thông. Những vệt ánh sáng yếu ớt lọt qua lá thông chạy lùa xòa trên mặt cha tôi, một tí nắng đậu yên ở trên sống mũi, gần chỗ những đường gân đỏ bóng ở cuối mũi như một viên cuội có những đường vân đẹp.

Cha tôi ho một tiếng ngắn. Tôi có cảm tưởng ông sửa soạn nói với tôi điều gì. Nhưng ông chỉ im lặng. Từ lúc nãy một ban nhạc nào đó hát đi hát lại mãi bản nhạc "Mừng ngày Song Thất", tôi để ý thấy cha tôi chú ý nghe nhưng không để lộ một thái độ nào. Tôi đem vấn đề ra tòa ngày mai ra bàn, xem cha tôi đối phó ra sao. Nhưng ông chỉ ậm ừ như không muốn những câu hỏi của tôi có thể làm loãng những điều ông đang suy nghĩ. Thỉnh thoảng có tiếng chân ai lên gác, ông giật mình ngó về phía cửa. Tôi vờ tay lấp sấp ronéo để trước mặt ông. Đó là bản cáo trạng khá dày, trong đó có lời khai của cha tôi ở sở cảnh sát. Ở trang cuối, tôi chú ý đến những lời kết tội như "phản quốc", "xâm phạm an ninh quốc gia". Trong suốt hơn một giờ, cha tôi vẫn giữ một thái độ im lặng, suy nghĩ. Ông uống bia rất chậm. Dường như lại không biết mình đang uống bia nữa. Khi để cốc rượu xuống bàn, chiếc ly rung rung lơ lửng vài giây sát mặt bàn rồi mới hạ hẳn xuống một cách khó khăn, như giữa ông và cái bàn có một khoảng cách đủ khiến ông phải gắng sức.

Khoảng 11 giờ, như vút quyết định xong một điều gì, cha tôi có vẻ thành thơi hơn, ông bỏ hẳn thái độ bần khoản, thay quần áo ngủ, rồi quay lại trả lời câu hỏi ban nãy: "*Phải đấy. Chẳng cần phải nói gì cả. Chiều nay con lại luật sư Chính lấy hết các giấy bác sĩ về. Biết địa chỉ không?*". Tôi gật đầu. Cha tôi kéo ghế ngồi đối diện tôi, nhìn tôi rất lâu. Tôi nói: "*Con đoán họ chẳng làm gì cậu đâu, nếu họ muốn bỏ tù thì họ đã bắt từ lâu rồi. Việc này họ đem ra xử cho có lẽ, rồi kết mình vô tội để hạ nhục chơi. Vả lại nếu có ra Côn Đảo thì cũng chả sao, chỉ làm giàu thêm cuộc đời tranh đấu của cậu. Cứ coi như là một dịp đi nghỉ mát, biết đâu lại chẳng có những điều hay để viết, phải không cậu? Ra ngoài ấy lại gặp chú Sơn, anh Vinh, vui biết mấy! Sẵn dịp đó cậu viết tiếp quyển Xóm Cầu Mới hay là con nghĩ thế này tôi ngồi ngay lại trên ghế cậu có thể như Churchill về già viết lại quãng đời mình. Con nghĩ đó cũng là điều quý lắm!*". Cha tôi nhìn ra cửa sổ đáp: "*Cậu chẳng sợ kết quả ngày mai ra sao vì ở nhà hay ở tù thì cũng mất tự do như nhau. Có điều bức nhất là họ lấy tư cách gì mà lại đem xét xử những người quốc gia đối lập rồi gán cho họ tội phản quốc. Còn cái việc viết hồi ký thì cậu đã nghĩ đến hồi 1958 ở Đà Lạt. Cậu dự tính viết ba quyển: cuộc đời làm báo và viết văn của Nhất Linh, cuộc đời làm cách mạng của Nguyễn Tường Tam và quyển thứ ba cậu viết về hoa phong lan. Nhưng về đây cậu bận too Văn Hoá Ngày Nay nên chỉ viết được cuốn Viết và đọc tiểu thuyết, sau đó lại dính vào những rắc rối chính trị, không có tâm đâu mà viết". Cha tôi cúi xuống đọc lại một lần nữa bản án kết tội mình. Khi ông ngừng lên, tôi ngập ngừng đưa ra một câu hỏi: "*Bây giờ nghĩ lại tất cả những việc cậu đã làm, cậu thấy hãnh diện về những việc gì nhất?*". Cha tôi cười: "*Thật ra thì chẳng có việc gì đáng tự hào vì chẳng có việc nào cậu cho là đến nơi đến chốn. Nhưng cậu vừa lòng nhất là việc thành lập được Tự Lực Văn Đoàn. Đến bây giờ cậu vẫn tha thiết nhất về việc này. Chuyện chính trị nhiều khi cái không khí nó buộc mình phải tham gia, như cái tình trạng hồi Pháp thuộc, lúc đó, nếu cậu không đứng ra làm việc nước thì trong lòng áy náy chẳng làm được chuyện gì khác. Nhiều khi người ta bị đẩy tới guồng máy hoạt động một cách giản dị không ngờ, rồi như những bánh xe ăn khớp nhau, họ bị đẩy dần vào vòng trách nhiệm. Ngay cả hồi chơi hoa phong lan ở Đà Lạt, cậu vẫn thấy mình không thể đứng ngoài vòng trách nhiệm ấy, nên phải về hoạt động lại ở Sài Gòn. Chính vì thế làm chính trị lúc tiến thì dễ lúc rút thì khó.*"*

12 giờ trưa, cả nhà đông đủ, mẹ tôi ở dưới nhà lên, anh Triệu mới ở Biên Hòa về, chúng tôi dùng bữa trưa vui vẻ. Cơm xong, tôi ngủ trưa. Cha tôi, trái với thường lệ, không đi nghỉ. Trong giấc ngủ chập chờn tôi nghe hình như cha tôi và anh Triệu nói chuyện với nhau bằng tiếng Pháp. Đến 3 giờ trưa tỉnh giấc tôi vẫn thấy hai người

còn đang nói chuyện, mẹ tôi đã xuống nhà dưới tự bao giờ. Tôi hơi ngạc nhiên thấy hai người uống Whisky, thứ rượu mà cha tôi đã bỏ từ nhiều năm nay. Nhưng xem dáng cha tôi vui vẻ. Ông sốt sắng hỏi tôi về chuyện học hành, chuyện đi dạy học của tôi. Nhân dịp này tôi hỏi ý kiến cha tôi về một số người lạ rủ tôi vào một đoàn thể thanh niên mưu chống chính quyền. Ông có vẻ lưu tâm đến vấn đề, khuyên tôi phải thận trọng, vì từ sau vụ đảo chính thất bại ngày 11-11-1960, có nhiều tổ chức được tung ra để gài bẫy những người chống đối. Trong câu chuyện ông vẫn bình tĩnh, vui vẻ, giảng giải khúc chiết khác hẳn thái độ của ông trong mấy ngày qua. Điều đó làm tôi vui lây, tưởng như câu chuyện ra tòa ngày mai không còn làm cha tôi bận tâm nữa. Uống xong ly rượu nhỏ cha tôi đề nghị mua thêm rượu mạnh nữa. Chúng tôi nghĩ có lẽ rượu làm ông quên được những thắc mắc khó chịu nên chúng tôi vui vẻ rủ nhau đi, hẹn cha tôi 15 phút sau trở lại ngay. Lúc tôi sắp bước xuống cầu thang, cha tôi gọi giật tôi lại. Tôi nghe ông gọi tên tôi bằng một giọng xúc động nhưng ngay lúc ấy tôi không để ý. Ông nhìn lâu vào mắt tôi, ngập ngừng đưa một cánh tay về phía trước như muốn nói điều gì lại thôi, chỉ hỏi: "*Đi có 15 phút thôi à?*". Đến bây giờ nghĩ lại tôi còn nhớ rõ cái nhìn của cha tôi lúc ấy. Ánh mắt như gửi đến tôi những điều mà ông không thể diễn tả bằng lời.

Tôi chờ anh Triệu đến đường Đồng Khánh. Lúc ấy khoảng 4 giờ chiều. Trời âm u như muốn mưa. Chúng tôi vào mấy tiệm để lựa thứ rượu nào cha tôi ưa thích. Cuối cùng chọn được chai Johnnie Walker, vừa đi ra thì trời lại đổ cơn mưa to. Chúng tôi trú ở mái hiên nhà hàng Arc-en-Ciel. Trời tối xầm lại. Người đi đường chạy dạt vào hai bên trú mưa. Anh Triệu lộ vẻ băn khoăn, nóng nảy. Tôi thấy anh đứng một chỗ như không yên. Một chiếc taxi vụt tới; những giọt nước mưa màu vàng sáng đan nhau trước hai vệt đèn pha. Tôi ngạc nhiên thấy anh Triệu chạy vụt ra đón chiếc taxi ấy, mặc dù đang lúc mưa rất nặng hạt, anh chỉ kịp nói với tôi một câu: "*Mày ở lại đây, tao về trước!*". Tôi nhìn những giọt nước mưa bắn tóe bọt trắng ở trên mặt lộ, hơi nước phủ kín mặt nhựa, thỉnh thoảng một chiếc xe xẹt ngang rẽ nước sang hai bên. Bên cạnh tôi, dưới mái hiên, một cô bé chừng mười lăm tuổi đứng khẹp nép sát vào tường, cô ta căng cái ô ướt sũng về phía trước, nhưng những giọt nước mưa quái ác vẫn bắn tóe vào hai gót chân. Mái tóc của cô ta mềm phủ dài sau lưng, bụi nước mưa phủ trắng lấm tẩm như những hạt sương nhỏ.

Tôi nghĩ miên man tới những chuyện riêng rồi cuối cùng trở lại chuyện cha tôi phải ra tòa, không biết gia đình có được vào xem xử án không. Dần dà tôi khám phá ra hình như thái độ gần đây của cha tôi có một cái gì khác thường, tất cả diễn ra như sắp xếp theo một trật tự nào đó. Mọi thái độ, lời nói, cử chỉ của cha tôi mấy hôm nay như có liên quan với nhau để âm thầm tiến tới một ý định duy nhất. Sự khám phá đó nở dần trong tôi một mối lo sợ. Đầu tiên chỉ là lo âu vẫn vợ có xen chút hoài nghi; nhưng sau đó kiểm điểm lại thấy quả thật mọi việc đều ăn khớp với nhau thì lý trí tôi đã tìm được lý do để thông đồng với nỗi lo âu của mình. Từ đó lo sợ biến thành cảm giác bàng hoàng xâm chiếm lấy tôi, mạnh mẽ và đột ngột, như cảm giác lan ran của người đang ở trong phòng lạnh bất thần mở cửa bước ra ngoài trời nắng. Tôi bắt đầu đi vào giấc mơ. Trí óc tôi vẫn tỉnh suốt. Nhưng cảm giác lạc đi tê dại. Mưa vẫn quất xối xả. Tôi nhìn xuống mái tóc cô gái đứng trú mưa cạnh tôi rồi quay đi. Nhưng trong trí tôi vẫn còn vương lại hình ảnh những bụi nước nhỏ lấm tẩm, những bụi nước ấy cứ lớn vờn ám ảnh một cách vô lý; chúng nở ra nhòà đi rung rinh trên một nền trắng: trong đó là hình ảnh của cha tôi buổi chiều ngày hôm trước, lúc ông đang nằm trên nệm trắng, vòng tay gối đầu, ngửa mặt lên trần. Hai mắt ông màu nâu đục, cái nhìn vừa xa xăm vừa buồn bã như suốt đời tìm kiếm mà chẳng bao giờ toại nguyện. Tôi tiến lại, đưa cho ông một tờ giấy tôi vừa nhận được, trên góc có đóng hai chữ "**Thượng khẩn**" màu đỏ. **Người ta buộc cha tôi đứng 6 giờ chiều ngày hôm đó, ngày 6-7-1963, phải trình diện tại tiểu đội hiến binh số 635 đường Nguyễn Trãi** vì "một lý do sẽ cho biết sau".

Cha tôi nhồm đậy, chống một khuỷu tay lên giường, ngược nhìn đồng hồ. Tiếng máy xe mô-tô của người quân cảnh nổ giòn ở dưới nhà, nhỏ dần, loảng đi rồi mất hẳn. Cha tôi đứng dậy, mở cửa sổ, trông xuống đường. Chập sau, suy nghĩ hồi lâu, ông quay về phía tôi, bảo: "*Con mặc quần áo đi với cậu đến nhà chú Kiểm*". Tôi hơi bực mình vì chiều thứ Bảy nào tôi cũng có mục riêng, không đến chơi nhà mấy thằng bạn thì cũng chui vào rạp xi-nê, nhưng tôi không dám trái lời. Trên chiếc tắc-xi rời chợ An Đông hướng về phía Sài Gòn, tôi thấy cha tôi cứ chốc chốc lại ngoái về phía sau. Ông bảo tôi: "*Con xem có xe nào theo không? Lúc này cậu có thấy mấy người lạ đứng bên kia đường nhìn vào nhà mình*". Tôi ra hiệu cho tài xế quặt sang đường Trần Bình Trọng, chiếc xe hơi duy nhất chạy phía sau vẫn tiến thẳng đại lộ Thành Thái. Tôi đáp: "*Không! Không có xe nào theo mình cả*". Cha tôi ngồi bên cạnh, một tay chống lên má, cúi đầu nhìn xuống mũi giày. Ông có vẻ thật buồn. Má ông tôi thấy hóp hơn. Cha tôi trở về thái độ đăm đăm khó hiểu có từ mấy ngày nay. Tóc ông bị rụng khá nhiều trong những ngày sau cùng nhiều suy nghĩ, nom xơ xác, mấy sợi bạc phát lơ phơ theo gió. Một lát, ông hơi giật mình ngừng lên nhìn ra ngoài rồi bảo tôi: "*Sao không đi xe Vespa của con?*" "*Sợ cậu mệt, đi xe con xóc lắm!*". Cha tôi nhăn mặt: "*Ồi dào! Cần gì!*". Ông yên lặng một lúc khá lâu rồi nói tiếp, giọng thật nhỏ

nghe như một tiếng thở dài: "*Từ trước đến giờ cậu đã đi xe con lần nào đâu!*".

Một chiếc taxi ở xa vụt tới. Cô gái đứng bên cạnh tôi giờ cao ô, bước ra khỏi hiên, tay ngoắc rối rít, nhưng chiếc xe trên có người. Tôi lắng nghe tiếng mưa rào rào. Để ý tiếng mưa đang reo to bỗng như hụt giọng, âm thanh trầm hẳn xuống kéo dài dật dờ từng đợt nhỏ dần về phía cuối đường. Ở đó, như vỡ ra, tiếng mưa lại ào ào ran lên từng chập. Tôi ngẩn ngơ nghe tiếng mưa trôi dạt rồi bỗng nhiên tôi bị hút trong những hình ảnh, những mẫu đối thoại hỗn độn, đồng thời cảm giác lo âu bàng hoàng lại trở về, rối loạn, mãnh liệt. "*Người ta sẽ giữ tôi lại.*" Cha tôi bám vào vai chú Kiểm, ra hiệu cho tài xế quay về nhà, lúc chiếc taxi đã gần tới tiểu đội hiến binh. Hình ảnh ban trưa cha tôi và anh Triệu rì rầm nói chuyện. Gương mặt của ông lúc gắt với chị Thoa tối qua: "*Sắp chết rồi mà còn thế à?*". "*Từ biệt anh chị!*" ì "*Chết! Sao hôm nay anh nói gì lạ thế*" "*Ngày mai tôi ra tòa. Họ xử tôi không biết bao nhiêu năm, biết còn sống đến ngày về không?*". Thái độ bỏ về hốt hoảng của anh Triệu đang lúc mưa rơi nặng hạt. "*Không! Không ai xử được tôi đâu!*". Ánh mắt kỳ dị của cha tôi nhìn tôi hỏi nãy: "*Đi có 15 phút thôi à?*".

Tôi không dám nghĩ tiếp. Tim tôi như đứng lại. Một cái gì ghê gớm đang chờ tôi ở nhà. Tôi quay sang bên. Người con gái có mái tóc dài đã bỏ đi từ hồi nào. Mưa vẫn chưa dứt. Nhưng tôi vẫn băng ngang đường, mở khóa xe.

Lúc tôi nhảy hai bước một lên cầu thang nhìn vào phòng thì mọi chuyện đã xong xuôi cả rồi. Căn phòng đóng kín cửa tối mờ mờ. Một bầu không khí yên lặng trang nghiêm. Mùi hương đầu dây phảng phất. Cuối phòng, vẫn trên cái ghế xích đu buổi sáng ông ngồi nói chuyện với tôi, cha tôi ngồi gục đầu hơi ngoẹo về phía vai phải, một cánh tay buông lỏng thả xuống sàn nhà. Dáng điệu ấy thoạt trông thì khổ sở nhưng nhìn lên gương mặt thì tuyệt nhiên không một nét đau đớn. Ông như người ngủ gục. Gương mặt êm ả, bình thản. Để ý lắm mới thấy một ít nước bọt nhả ra ở khóe mép. Anh Triệu từ lúc nãy vẫn ngồi cúi đầu im lặng tưởng như không có mặt anh trong phòng, ngừng lên, tôi thấy mắt anh đỏ hoe, anh nói thật nhỏ, thật buồn, nhưng câu nói không còn làm cho tôi ngạc nhiên nữa: "***Cậu đã bỏ chúng ta thực rồi!***". Mẹ tôi đang thấp hương lâm râm khấn trước bàn thờ, quay lại nhìn tôi, mắt bà cũng đỏ nhưng không khóc, cái nhìn của bà đại đi như không còn nhận ra tôi là ai nữa. Bà phác vài cử chỉ thừa thãi rồi như người miên du bà bỏ đi xuống nhà. Đèn cầu thang vẫn bật sáng từ trước nhưng theo một thói quen vô ý thức bà giờ tay bật đèn thành thử cầu thang lại bị tối om.

Trong suốt thời gian trú mưa dưới mái hiên nhà hàng Arc-en-Ciel, bàng hoàng và lo sợ đã xâm chiếm lấy tôi. Xúc cảm của tôi như bị giãn ra tê liệt. Tới nỗi bỗng gặp mặt cảnh tượng này tôi thấy giãn dị quá. Tôi nghĩ: "*Xong rồi!*" và tự nhiên thấy tâm hồn trở nên bình tĩnh. Tôi hỏi anh Triệu: "*Anh gọi bác sĩ chưa?*" "*Chú Kiểm đi gọi bác Phiếm từ 15 phút rồi!*". Tôi hỏi tiếp: "*Chú Kiểm đến hồi nào vậy? Mà sao lại đến đúng lúc vậy nhỉ?*". Không có tiếng trả lời câu hỏi của tôi.

Cha tôi vẫn ngồi đó, không ai đụng tới. Trên một bàn nhỏ trước mặt ông chai rượu đã vơi gần nửa. Quyển Wuthering Heights của Bronte còn mở trước mặt. Thời khắc trôi qua rất chậm. "*Phải làm một cái gì chứ?*". Tôi nghĩ. Nhưng không biết sao tôi vẫn ngồi bất động ở trên đi-văng. Căn phòng tự nhiên tối tăm và yên lặng quá. Tiếng quạt trần quay chậm rì rầm rì rầm. Căn nhà sát bên vọng sang một tiếng quát mắng: "***Cho mày chết!***". Rồi có tiếng guốc hấp tấp xuống cầu thang gập dứ. Im một lát. Tiếng một thằng bé òa lên khóc. Tiếng khóc kéo dài mãi không ngớt tôi nghe mà gần muốn hụt hơi. Tôi nghĩ thầm trong trí: "*Thằng bé nào khóc dai vậy nhỉ?*". Rồi tôi lắng tai chờ đợi xem người chị vừa bỏ xuống nhà khi nãy có trở lên dỗ nó không. Khung cảnh ấy rất thường xảy ra từ bao năm nay không bao giờ làm tôi để ý, bỗng dưng lúc này lại vô lý ám ảnh tôi quá đáng.

Mẹ tôi bắt đầu sụt sùi. Tiếng anh Triệu gắt nhưng vẫn cố đè giọng thật nhỏ: "*Mợ khóc làm gì? Có ích gì đâu?*". Anh đến sát bên nhắc cánh tay cha tôi lên bắt mạch. Lát sau anh nói: "*Mạch yếu lắm! Khiêng cậu lên giường mau!*". Chúng tôi choàng một cái khăn dày lên người ông và phải khó khăn lắm mới mang nổi cha tôi lên giường. Thân thể ông mềm ra. Anh Triệu rút trong túi cha tôi một tờ giấy giờ tôi xem rồi nói: "*Di ngôn của cậu đấy. Giấu thật kỹ. Đừng để tui mật vụ nó cướp lấy!*".

Có tiếng nói lao xao ở dưới nhà. Tôi thở ra khi nhận được giọng nói quen thuộc của bác Phiếm và của chú Kiểm. Bác Phiếm tay xách cặp da y sĩ bước vội lên lầu. Tiếng nói của bác rất lớn, tôi có cảm tưởng rõ rệt ông vừa mang sự sống cho căn phòng này: "*Rõ khỏe! Mới sáng nay anh Tam còn lại nhà tôi mà! Khổ quá!*". Bác bước nhanh lại giường mở chăn áp sát tai vào ngực cha tôi nghe ngóng. Ông hấp tấp mở cặp da, cựa ồng

thuốc, chích cho cha tôi một mũi thuốc vào gân máu. Mẹ tôi lo lắng hỏi: "*Thế nào?*". Bác thu mũi kim về tra vào cặp lắc đầu trả lời: "***Phải chờ gấp anh vào Grall. Để lâu thuốc độc ngấm vào máu không chữa được đâu.***"

\*\*\*\*\*

Cha tôi kể như đã mất lúc mang đến bệnh viện. Nhưng điều này ngay lúc ấy không ai dám nghĩ tới. Câu nói của bác sĩ Gourillon không làm chúng tôi hoàn toàn tuyệt vọng. Bác sĩ Phiêm khẩn khoản: "***Faites quand même quelque chose pour lui***". Chú Kiêm cũng tiến tới, xúc động còn in rõ trên nét mặt, giọng chú lạc hẳn, tới nỗi tôi tưởng đâu chú đang xúc phạm viên bác sĩ Pháp: "***Fais l'impossible!***". Người ta chờ cha tôi lên lầu. Trong một căn phòng nhỏ gắn máy lạnh, y tá bơm dưỡng khí vào phổi cha tôi. Ngực ông thở nhấp nhô đều đều. Mãi sau này khi nghe bác sĩ Phiêm nói là bác sĩ Gourillon đã tính cho chờ thi thể cha tôi vào phòng xác ngay sau cuộc khám xét sơ khởi ấy, tôi mới chịu tin rằng cha tôi đã bỏ đi từ buổi chiều ngày hôm ấy, **ngày 7-7-1963**, có lẽ vào lúc mà tôi ngược nhìn lên những hàng cây của khu công viên bệnh viện đứng rũ mình dưới bầu trời màu xám chì thẫm đăm. Và tất cả những gì người ta đã làm theo sự khẩn nài của chúng tôi từ sau đó cho đến nửa đêm với tất cả những phương tiện tối tân của bệnh viện là chỉ cốt gây cho cha tôi được một sự sống giả tạo, để kéo dài niềm hy vọng cho những người còn lại, cho những giọt nước mắt khoan chảy trên gò má chúng tôi.

Khoảng 7 giờ hơn. Một màn tím thẫm phủ lên khu nhà thương. Cuối con đường lát sỏi của khu vườn hoa một cột đèn sắt gục đầu phả ánh néon lạnh lẽo. Giờ thăm bệnh đã hết từ lâu. Người gác cổng khom lưng đẩy hai cánh cổng sắt nặng nề. Chúng tôi vì trường hợp đặc biệt được phép suốt đêm ở lại bệnh viện. Trên một chiếc ghế dài ở hành lang anh Triệu và tôi từ lúc nãy không ai nói một câu. Anh để hai tay lên đùi, nhìn xuống sàn. Lát sau, vẫn không ngừng lên, anh nói: "*Liệu có qua được không?*". Tôi nói: "*Hy vọng lắm. Cậu mới uống chưa được một tiếng thì mình đã mang vào nhà thương rồi*". Ở đầu kia một bác sĩ Pháp đẩy cửa phòng cha tôi bước ra, ánh đèn hắt ra ngoài một khoảng sáng trên nền hành lang dài và tối. Hai người thì thầm nói chuyện rất lâu. "*Lúc anh bỏ về thì cậu đã uống chưa?*" "*Rồi! Trong lúc tụi mình đi khỏi. Nhưng ông còn tỉnh lắm. Vừa thấy tao là ông hỏi ngay: Đi gì nhanh thế! Tao gơ chai Walker lên bảo ông: Rượu đây, cậu uống cho say rồi quên cái ý định tự tử tối nay đi, người ta chẳng đáng để cậu bận tâm đâu. Ông không nói gì cả, rót rượu vào cốc, uống một hơi cạn. Uống xong ông lại rót một ly nữa, rồi cũng uống một hơi cạn. Kể thì cũng hơi lạ. Nhưng thấy ông suốt buổi chiều nay vui quá, tao cũng không để ý...*". Tôi gơ tay ngắt lời: "*Sao anh biết tối nay cậu tự tử?*" "*Chính ông nói mà, vào buổi trưa lúc mà còn ngủ. Ông tin việc mình làm là phải nên không giấu. Ông bảo đêm nay 10 giờ cứ để ông ngủ như thường. Sáng mai đánh thức dậy là xong rồi, tha hồ để cho người ta xử. Ý ông đã quyết như thế, ông bảo nếu không xong tối nay, thì vào khám cũng chết. Tao có kế hoạch đối phó cả rồi nếu... tối nay ông mới tự tử*".

Anh Triệu dừng lại, di một ngón tay trên đùi, lát sau anh hạ giọng: "*Nhưng không ngờ ông lại làm sớm thế...*". Tôi bất thần quay hẳn sang phía anh tôi, hỏi: "*Còn tờ di ngôn cậu viết hồi nào vậy?*" "*Có lẽ hồi sáng, tao cũng chả biết, ông uống hết cốc thứ ba thì thò tay vào túi rút ra cái tờ giấy ấy đưa cho tao xem. Đến lúc ấy tao mới tin là ông tính làm thật. Tao định chốc nữa ông ngủ sẽ lục túi ông lấy thuốc độc giấu đi. Ông dặn tao là tờ di ngôn này đưa cho ông Sung, bác sĩ Đặng Văn Sung, nhờ ông ấy chuyển ra ngoại quốc. Còn liệu có thể đưa cho ký giả Mỹ, Pháp được thì khỏi cần. Lúc ấy như sực nhớ ra điều gì, ông đi lại bàn viết. Tao thấy ông có vẻ mệt, ông ngồi trên ghế, tay run run viết bản thứ hai giống hệt bản thứ nhất. Bản này chữ xấu lắm, nét nguệch ngoạc như những dấu phẩy. Sau đó nhìn kỹ mới thấy hai bản khác nhau một chữ. Bản thứ nhất: Tôi không chịu để ai xử cả. Bản thứ nhì thì: Tôi không chịu để ai xử tôi cả. Viết xong ông nói: Tớ nữa thì quên, phải viết hai bản thế này nhờ nó tóm được một thì còn bản kia chứ. Ông gơ tay che miệng ngáp một cái dài rồi nói: Gớm! Buổi trưa mãi nói chuyện không ngủ bây giờ mệt quá. Ông nhìn qua cửa sổ, nhìn bầu trời ướt sũng nước mưa rồi nói rất nhỏ và nhẹ như hơi gió: Trời hôm nay đẹp quá... Tao quay lại thì ông đã ngủ rồi. Đó là câu nói cuối cùng của ông. Tao cứ để ông ngủ yên, bỏ xuống dưới nhà. Lát sau trở lên thì thấy ông nằm trên ghế có vẻ khác lạ, dáng điệu khổ sở quá. Tao nhìn chai rượu voi gần nửa mới sực nhớ đến cử chỉ của ông hồi nãy. Khi ông uống đến cốc thứ ba, ông như tọng rượu vào người chứ không có vẻ gì là ngon lành cả. Hình như có cái gì chặn tay ông lại khiến ông phải cố gắng lắm mới nâng nổi cốc lên miệng. Lấy làm lạ tao thử lay lay ông dậy thì thấy người ông mềm hẳn ra. Tao tái người vội vàng chạy xuống nhà gọi mẹ lên. Tao nghĩ ngay đến việc gọi bác sĩ nhưng vừa mặc quần áo xong thì chú Kiêm cũng vừa đến nơi". Anh Triệu ngừng lại, nắm chặt tay đập lên đùi: "*Tao không nghĩ là ông lại tự tử trước mặt mình, tao cứ nghĩ là phải đợi ban đêm. Từ lúc đi đến lúc về có đầy 15 phút đâu?*".*

10 giờ đêm. Bác Phiêm gọi riêng chúng tôi báo cho biết cha tôi khó qua khỏi đêm nay. Chúng tôi bàng hoàng sửng sốt cả người. Mẹ tôi bảo chúng tôi báo tin ấy cho những người thân. Trên chiếc xích lô máy rời bệnh viện, tôi hỏi anh Triệu: "*Cậu uống thuốc gì mà lại có thể chết nhanh vậy nhỉ?*". Anh đáp: "*Không biết. Chắc phải mạnh lắm; rồi lại thêm rượu vào nên mới nhanh thế!*".

Ở nhà bác tôi trở về bệnh viện chúng tôi đi trên hai chiếc xe hơi. Dự định là sẽ họp nhau lại tối nay để bàn kế hoạch đối phó và phân công. Nếu cha tôi mất đêm nay, ngày mai sẽ mở ra đầy bất trắc. Người ta có thể xông vào nhà tôi cướp tờ di ngôn ấy được không? Làm sao cho tờ ấy phổ biến trong và ngoài nước, thoát khỏi các bàn tay mật vụ đầy rẫy? Ngay cả xác cha tôi cũng có thể bị lợi dụng hay ít ra cái chết cũng có thể bị xuyên tạc. Lúc ấy là 11 giờ đêm, hai xe đi cách nhau 50 thước, lướt trên những con đường đêm vắng ngắt. Một hồi đến ngã tư Duy Tân - Hồng Thập Tự xe đi trước mất hút. Anh Lưu lái nhàu: "*Thằng Quý đi gì kỳ cục vậy?*". Nhưng vòng một lát đến gần bệnh viện thì bắt gặp lại xe trước. Tôi thốt nhiên chú ý ngay tới một xe traction màu đen đi lùi theo bám sát xe của Quý. Xe này vừa quặt sang đường Nguyễn Du xe traction bám theo liền. Anh Lưu chỉ tay cho chúng tôi thấy kêu lên: "*Xe mật vụ!*". Rồi anh đập tay lên bánh lái giận dữ: "*Tụi nó thính mũi như ruồi!*".

Nửa đêm tôi đứng tựa lan can nhìn lên bầu trời lòng trĩu nặng. Các bác sĩ Grall vừa báo cho biết cha tôi chỉ còn sống không bao lâu nữa. Tất cả những căn phòng khác của mấy khu bệnh viện đều rơi vào bóng tối và im lặng; chỉ trừ phòng cha tôi đèn còn bật sáng. Người nữ y tá rời phòng đi ra, lặng lẽ cúi đầu bước xuống cầu thang. Chừng hơn mười người thân thuộc đứng nói chuyện nhỏ tiếng trước cửa phòng. Anh Bá ngồi lè loi trên một chiếc ghế dài, buồn bã. Đèn phòng hắt ra đốm dài bóng anh trên nền hành lang. Có tiếng vài người khóc. Tiếng mẹ tôi trong phòng lọt ra thảm thiết: "*Anh Tam ơi! Anh bỏ...*". Tôi há miệng ngăn chặn một xúc động đang dâng lên đầy ngực nhưng không kịp. Hình ảnh của cha tôi nhòe ra tươi cười, hình ảnh ấy của năm năm về trước, lúc ông vừa xem xong một truyện ngắn của tôi tả về cái chết của ông. Trong truyện đó tôi tả một buổi đi chơi núi, cha tôi với một nhánh Huyết Nhung Lan ở bờ vực, rồi hụt chân rơi xuống khe núi. Người ta vớt ông về nhà nhưng đến bên dòng Đa-Mê thì ông tắt thở sau khi mỉm cười nhìn lần cuối vườn lan đầy hoa của mình. Ông ưa nhất truyện ấy. Mỗi lần đọc ông lại mỉm cười thích thú. Nhưng ông không đưa ai xem sợ người khác không hiểu cho tôi bất hiếu. Một lần tôi hỏi ông: "*Chết rồi sẽ ra sao nhỉ?*". Ông cười trả lời: "*Hồi bà Trưng thì chưa có mình chứ gì. Thế mình ở đâu? Chết là trở về mình hồi ấy đó!*".

Có tiếng xôn xao. Mọi người đổ dồn vào phòng. Khi tôi chạy lại bên giường thì vừa kịp thấy ngực cha tôi ngưng thở. Ngay lúc ấy một cái gì thoáng qua rất nhẹ trên nét mặt ông. Nhưng khi nhìn kỹ thấy không có gì đổi khác tôi biết là mình đã giàu tưởng tượng. Hai ba người hỏi lao xao: "*Mấy giờ rồi? Máy giờ rồi?*". Không có ai trả lời. Mẹ tôi oà lên khóc ngắt. Tôi bỏ ra ngoài. Gió từ phía sau nhà thương thổi gây gây lạnh. Một lần nữa tôi nghĩ thầm trong trí: "*Xong rồi!*" và chỉ còn thấy trong người một nỗi buồn man dại, một cái thú tê tái đau thương, như cái thú nuôi nặng một mối căm hờn.

Từ buổi sáng cha tôi vẫn bận quần áo ngủ. Mẹ tôi đòi thay quần áo tây cho ông trước khi đưa vào phòng xác. Cánh tay ông lỏng lẻo quá không thể nào bỏ được vào ống tay áo, trừ khi nhét thật mạnh vào, nhưng tôi lại sợ ông đau. Tôi phải cố nghĩ: *Ông không còn biết đau là gì đâu, mới làm xong được việc ấy.* Lát sau, trên chiếc xe hồng thập tự bít bùng của bệnh viện, mẹ tôi và chúng tôi ngồi trên hai dãy ghế dài, yên lặng không nói một câu. Trên băng-ca đặt dưới sàn một mảnh vải trắng rộng phủ trên thi thể cha tôi. Chiếc xe lướt êm trên những con đường nhỏ của khu nhà thương. Đến trước cửa nhà xác chiếc xe ngừng lại. Người gác đàn ngái ngủ dụi mắt phụ với tài xế khiêng băng-ca xuống. Tôi bước vào nhà xác, dừng mắt trước một cánh cửa sắt dày kê hàng chữ đỏ: "**Buồng lạnh. Triệt để cấm vào**". Người gác đàn tra khóa vào ổ, chiếc cửa nặng nề mở ra, có tiếng máy chạy ù ù. Bên trong một làn ánh sáng nhạt nhợt. Khí lạnh toát ra gai người. Mấy dãy giường sắt khô khan. Một cái xác đã nằm sẵn trong góc trái. Tôi hơi ghê sợ với ý nghĩ tối nay cha tôi phải nằm đây một mình. Chúng tôi vén tấm vải lên nhìn vào gương mặt ông, ghi nhớ hình ảnh ông một lần cuối: mắt ông đã nhắm lại, từ nay chúng tôi không còn được thấy cái tật hay chớp mắt của ông, cái nhìn sâu thẳm buồn bã vô tận ấy nữa. Râu của ông lơ thơ màu muối tiêu, riêng đôi lông mày vẫn còn rậm rạp. Tóc ông thưa thớt như hói phía trên lộ cái trán rộng mênh mang.

Anh Triệu bỏ tấm vải che xuống. Tôi nhớ tới hình ảnh vui vẻ của ông mới hồi trưa, tới niềm vui bèo bọt của tôi hồi chiều lúc ông bảo tôi đi mua rượu, tới ánh mắt nhìn tôi rất lạ và câu nói sau cùng mà tôi được nghe thấy ở ông: "*Đi có 15 phút thôi à?*". Rồi quay sang phía mẹ tôi, tôi nói: "*Thôi, cậu đã bỏ đi thật rồi!*". Tôi chợt chú ý

đến giọng nói của mình, âm thanh như đứng một chút ở cửa miệng, ngỡ ngàng như giọng nói của một người khác. Rồi bỗng tôi thấy câu nói của mình nghe tội nghiệp thảm thương quá. Chữ "bỏ đi" nhắc nhở tôi một cái gì mất đi hoàn toàn, một hình ảnh không còn nữa hay không bao giờ còn trở lại. Một mối xúc động lại dâng lên chặn lấy ngực tôi nặng như một khối đá. Tôi há miệng quyết chặn đứng một lần thứ hai không cho lên cổ nhưng không kịp nữa.

Tôi bước vội ra ngoài. Lúc ấy là một giờ ba mươi. Khi tôi ngừng lên các vì sao lấp lánh của bầu trời đã rung rinh nhòe nhoẹt cả rồi.

Saigon 1964